

Số: 64 /2024/QĐST –HNGĐ

Phú Bình, ngày 04 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH
LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23/11/2023 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị C**, sinh năm 1990

HKTT: xóm Q, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: **Anh Trương Văn Đ**, sinh năm 1986

Địa chỉ: xóm Q, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: ông **Trương Văn Đ1**, sinh năm 1947;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Đ2**, sinh năm 1948

Cùng địa chỉ: xóm Q, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81,82,83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân & gia đình

Căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Các đương sự: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông **Trương Văn Đ1** rút yêu cầu độc lập đối với yêu cầu chị **Hoàng Thị C** trả số tiền 230.000.000đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà **Nguyễn Thị Đ2**, anh **Trương Văn Đ**, chị **Hoàng Thị C** nhất trí với việc rút yêu cầu, không có ý kiến gì.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Hoàng Thị C** và anh **Trương Văn Đ**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị C** và anh **Trương Văn Đ** xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung: **Trương Hoàng H**, sinh ngày 07/10/2009; **Trương Thùy D**, sinh ngày 18/02/2016; **Trương Hoàng N**, sinh ngày 09/11/2021.

Chị **C**, anh **Đ** nhất trí thoả thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn như sau:

Anh **Trương Văn Đ** trực tiếp nuôi con chung **Trương Hoàng H**, sinh ngày 07/10/2009 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật; Chị **Hoàng Thị C** trực tiếp nuôi con chung **Trương Thùy D**, sinh ngày 18/02/2016; **Trương Hoàng N**, sinh ngày 09/11/2021 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **C**, anh **Đ** tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh **Đ**, chị **C** có quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Chị **C**, anh **Đ** nhất trí tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về Nợ chung: chị **C**, anh **Đ** xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2.5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trương Văn Đ1** (vợ là bà **Nguyễn Thị Đ2**) đối với yêu cầu chị **Hoàng Thị C** trả số tiền 230.000.000đ do ông **Đ1**, bà **Đ2** có đơn xin rút yêu cầu.*

Hậu quả của việc đình chỉ: Các đương sự ông **Đ1**, bà **Đ2** có quyền khởi kiện vụ án Dân sự khác theo quy định pháp luật.

2.5. Về án phí: Hai bên đương sự nhất trí việc chị **Hoàng Thị C** tự nguyện nộp 150.000đ án phí Dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả chị **C** 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003615 ngày 23/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Ông **Đ1** là người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Dương Thành;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hà